

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021



Tháng 8 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 34

212
G
NH
I T
C
AN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vương Đức Nhật	Thành viên
Bà Phan Thị Hải	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vương Đức Nhật	Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Chung	Phó Giám đốc
Ông Lê Mạnh Bình	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2021)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Ngọc Na	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Duy Dực	Thành viên
Bà Phùng Thị Duyên	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Sỹ Tiệp - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vương Đức Nhật
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2021

Số: 081402/2021/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2021, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

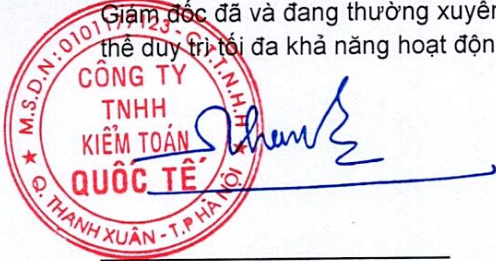
Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại ngày 30/06/2021, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 257.438.603.431 đồng. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục.



Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		364.596.562.346	193.262.613.555
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.944.035.562	2.847.049.844
1. Tiền	111		2.944.035.562	2.847.049.844
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		150.662.022.736	25.596.202.665
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	131.218.065.418	14.495.625.208
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	21.105.010.206	12.345.817.399
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.652.187.536	2.068.000.482
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(3.313.240.424)	(3.313.240.424)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	153.226.114.962	123.753.713.643
1. Hàng tồn kho	141		153.226.114.962	123.753.713.643
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		57.764.389.086	41.065.647.403
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	8.958.497.568	2.286.449.146
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		48.793.719.779	38.779.198.257
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15a	12.171.739	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.750.439.451.461	1.408.287.217.660
I. Tài sản cố định	220		1.504.347.705.732	1.004.579.217.660
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.504.347.705.732	1.004.579.217.660
- Nguyên giá	222		1.942.398.317.908	1.285.540.939.090
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(438.050.612.176)	(280.961.721.430)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		152.715.000	152.715.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(152.715.000)	(152.715.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.015.400.641	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	7.015.400.641	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	403.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	403.500.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		239.076.345.088	208.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	239.076.345.088	208.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.115.036.013.807	1.601.549.831.215

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.639.441.989.716	1.137.862.966.121
I. Nợ ngắn hạn	310		622.035.165.777	514.019.396.000
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	222.878.670.467	111.917.367.730
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	3.063.987.200	103.077.260.846
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15b	4.142.056.107	13.577.351.402
4. Phải trả người lao động	314		3.893.727.008	2.627.881.680
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	22.684.166.399	14.572.513.354
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.465.155.191	558.078.704
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	363.907.403.405	267.688.942.284
II. Nợ dài hạn	330		1.017.406.823.939	623.843.570.121
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	1.017.406.823.939	623.843.570.121
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		475.594.024.091	463.686.865.094
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	475.594.024.091	463.686.865.094
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		378.390.000.000	378.390.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		378.390.000.000	378.390.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.650.713.000	7.650.713.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		59.383.458.551	59.383.458.551
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.811.263	1.811.263
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.168.041.277	18.260.882.280
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		18.260.882.280	13.643.343.917
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.907.158.997	4.617.538.363
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.115.036.013.807	1.601.549.831.215

Phạm Tiên Hiều
Người lập
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2021

Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Vương Đức Nhật
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		717.941.405.587	356.513.851.389
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		96.363.635	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	717.845.041.952	356.513.851.389
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	651.755.898.265	313.405.644.354
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.089.143.687	43.108.207.035
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	368.410.098	15.534.277
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	41.774.982.191	37.087.855.786
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.637.375.037	36.584.030.912
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.706.235.255	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.169.470.563	3.664.137.906
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.806.865.776	2.371.747.620
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	725.109.535	2.323.275
13. Lợi nhuận khác	40		(725.109.535)	(2.323.275)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.081.756.241	2.369.424.345
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	3.174.597.244	505.140.397
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.907.158.997	1.864.283.948
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	315	49
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		315	49

Phạm Tiến Hiếu
Người lập
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2021

Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Vương Đức Nhật
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	15.081.756.241	2.369.424.345
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	36.886.594.432	29.687.930.081
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(228.322.868)	491.769.997
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.480.076)	(3.479.400)
Chi phí lãi vay	06	41.637.375.037	36.584.030.912
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	93.374.922.766	69.129.675.935
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	268.407.486.668	(1.067.727.595)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(29.472.401.319)	(37.892.283.298)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(65.836.618.951)	(16.583.546.447)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(245.540.393.510)	(22.872.143)
Tiền lãi vay đã trả	14	(38.320.095.142)	(32.826.843.225)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.324.896.648)	(931.457.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(29.711.996.136)	(20.195.054.748)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(7.576.831.900)	(3.968.912.520)
2. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.480.076	3.479.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.574.351.824)	(3.965.433.120)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	171.756.737.179	328.211.930.796
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(134.373.403.501)	(304.104.391.574)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	37.383.333.678	24.107.539.222
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	96.985.718	(52.948.646)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.847.049.844	1.176.052.668
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.944.035.562	1.123.104.022



Phạm Tiến Hiếu
 Người lập
 Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2021



Vương Thị Bích Ngọc
 Kế toán trưởng



Vương Đức Nhật
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 482-QĐ/UB ngày 01/12/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây và được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2369/QĐ-UB ngày 13/11/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội).

Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0500444444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 12 năm 2003. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 cấp ngày 24 tháng 05 năm 2021. Lý do thay đổi là do tại ngày 30/04/2021, Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II đã hoàn thành việc sáp nhập vào Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn.

Vốn điều lệ của Công ty sau khi sáp nhập là 378.390.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi tám tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng). Tương đương 37.839.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty: Sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker và vật liệu xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 275 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 180 người)

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 30/06/2021, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 257.438.603.431 đồng. Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2021 âm với số tiền là 29.711.996.136 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cơ cấu lại các khoản vay ngân hàng thương mại, gia hạn thanh toán các khoản phải trả nhà cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giả định hoạt động liên tục (Tiếp theo)

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Phát huy công suất Nhà máy Xi măng Nam Sơn sau cải tạo tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội đồng thời cải tạo môi trường tại Nhà máy trở nên xanh sạch đẹp, tăng sản lượng sản xuất, tiết kiệm chi phí.
- Tại ngày 30/04/2021, Công ty đã sáp nhập Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II vào Công ty. Công ty sẽ cố gắng thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh tại Sài Sơn II nhằm cung ứng xi măng cho thị trường Hà Nội, Hòa Bình và các tỉnh lân cận khác nhằm phát huy tối đa những lợi thế có sẵn của cả hai cơ sở sản xuất.
- Với kinh nghiệm lâu năm trong ngành sản xuất xi măng, đội ngũ lãnh đạo sáng tạo và đội ngũ nhân viên dày dặn kinh nghiệm, Công ty sẽ cố gắng tạo ra những sản phẩm tốt, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng khả năng cạnh tranh.
- Một số ngân hàng đồng ý giãn thanh toán nợ vay cho các khoản vay đến hạn của Công ty, giảm lãi suất vay năm 2021. Công ty cũng đang tiếp tục trong quá trình làm việc với các ngân hàng để cơ cấu trả nợ phần lãi và gốc.
- Công ty đã và đang tiếp tục đàm phán, hoãn tiến độ thanh toán với một số nhà cung cấp, tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp.
- Thêm vào đó, kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây đều có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.
-

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ đầu tư các dự án đang triển khai của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 25
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	06 - 15

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Phần mềm kế toán	02

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều kỳ với giá trị lớn, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí mua bảo hiểm...

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	340.372.438	268.128.765
Tiền gửi ngân hàng	2.603.663.124	1.378.921.079
Cộng	2.944.035.562	2.847.049.844

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần xi măng Hoàng Long	43.109.480.651	480.147.153
Công ty TNHH Sơn Đồng	41.663.012.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Thiên Nhật	14.744.251.400	-
Phải thu khách hàng khác	31.701.321.367	14.015.478.055
Cộng	131.218.065.418	14.495.625.208
Phải thu khách hàng bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VIII.2)	43.109.480.651	9.719.471.308

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama NB	7.600.481.910	2.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Hồng Minh Phát CNC	4.475.846.340	-
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Yellow ANT	4.168.341.140	2.121.004.684
Nhà cung cấp khác	4.860.340.816	8.224.812.715
Cộng	21.105.010.206	12.345.817.399

4. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tạm ứng	187.402.201	160.424.611
Phải thu khác	1.464.785.335	1.907.575.871
Cộng	1.652.187.536	2.068.000.482

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN
Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ,
thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2021		01/01/2021			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Phú Thái Bình	800.000.000	-	800.000.000	800.000.000	-	800.000.000
Phan Ngọc Hải - Văn phòng Đan Phượng	560.594.133	-	560.594.133	560.594.133	-	560.594.133
Nguyễn Quốc Bằng - Văn phòng Hà Nội	496.996.400	-	496.996.400	496.996.400	-	496.996.400
Công ty CP Xi Măng Thanh Liêm	490.199.423	-	490.199.423	490.199.423	-	490.199.423
Các đối tượng khác	965.450.468	-	965.450.468	965.450.468	-	965.450.468
Cộng	3.313.240.424	-	3.313.240.424	3.313.240.424	-	3.313.240.424

6. Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	129.903.977.216	-	121.410.449.776	-
Công cụ, dụng cụ	231.493.823	-	211.719.594	-
Thành phẩm	23.090.643.923	-	2.131.544.273	-
Cộng	153.226.114.962	-	123.753.713.643	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2021	395.964.043.202	883.497.223.818	5.051.911.473	726.970.597	300.790.000	1.285.540.939.090
Mua trong kỳ	-	773.778.800	1.250.000.000	35.000.000	-	2.058.778.800
Nhận sáp nhập từ Sài Sơn II (*)	227.545.118.976	416.251.708.315	10.813.272.727	-	188.500.000	654.798.600.018
Tại ngày 30/06/2021	623.509.162.178	1.300.522.710.933	17.115.184.200	761.970.597	489.290.000	1.942.398.317.908
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2021	85.477.606.263	192.389.643.147	2.225.118.045	693.006.293	176.347.682	280.961.721.430
Khấu hao trong kỳ	9.720.014.742	26.414.070.785	719.952.797	8.502.498	24.053.610	36.886.594.432
Nhận sáp nhập từ Sài Sơn II (*)	36.094.010.518	80.657.804.500	3.410.686.858	-	39.794.438	120.202.296.314
Tại ngày 30/06/2021	131.291.631.523	299.461.518.432	6.355.757.700	701.508.791	240.195.730	438.050.612.176
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2021	310.486.436.939	691.107.580.671	2.826.793.428	33.964.304	124.442.318	1.004.579.217.660
Tại ngày 30/06/2021	492.217.530.655	1.001.061.192.501	10.759.426.500	60.461.806	249.094.270	1.504.347.705.732

(*) Những tài sản nhận bàn giao từ Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II tại thời điểm sáp nhập ngày 30/04/2021.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 1.502.018.705.437 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 1.004.076.112.517 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 5.480.799.167 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 5.480.799.167 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Chi phí trả trước

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	1.753.917.619
Chi phí sửa chữa	6.510.104.532	-
Chi phí trả trước khác	2.448.393.036	532.531.527
Cộng	8.958.497.568	2.286.449.146
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	670.149.331	208.000.000
Lợi thế thương mại khi sáp nhập Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	238.406.195.757	-
Cộng	239.076.345.088	208.000.000

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Hạng mục nhà kho đá vôi - Nhà máy xi măng Nam Sơn	7.015.400.641	-
Cộng	7.015.400.641	-

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và hệ thống kiểm soát cân với tổng nguyên giá là 152.715.000 đồng đã hết khấu hao.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí lãi vay	17.276.102.349	13.958.822.454
Trích trước chi phí tiền điện sản xuất	5.408.064.050	613.690.900
Cộng	22.684.166.399	14.572.513.354

12. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Kinh phí công đoàn	701.609.803	239.374.874
Bảo hiểm xã hội	450.501.558	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	313.043.830	318.703.830
Cộng	1.465.155.191	558.078.704

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN
Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ,
thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Cát Hải	69.473.244.208	69.473.244.208	10.806.064.240	10.806.064.240
Nanjing C-Hope Cement Engineering Group Co., Ltd	25.781.565.152	25.781.565.152	44.051.250.924	44.051.250.924
Công ty TNHH Đầu tư VAWAZ Việt Nam	24.247.263.845	24.247.263.845	-	-
Công ty TNHH Thiên Hoàng Hải	20.327.634.500	20.327.634.500	47.760.500	47.760.500
Phải trả người bán ngắn hạn khác	83.048.962.762	83.048.962.762	57.012.292.066	57.012.292.066
Cộng	222.878.670.467	222.878.670.467	111.917.367.730	111.917.367.730

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH 3B Indochina Việt Nam	1.271.922.418	1.271.922.418	47.913.626.241	47.913.626.241
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Sơn Tây	1.094.470.000	1,094,470,000	-	-
Công ty TNHH Phát triển đầu tư Hoàng Quân	602.615.348	602.615.348	55.092.393.054	55.092.393.054
Các khách hàng khác	94.979.434	94.979.434	71.241.551	71.241.551
Cộng	3.063.987.200	3.063.987.200	103.077.260.846	103.077.260.846

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN
Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ,
thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	30/06/2021		Số phải nộp trong kỳ		Số nhận sáp nhập		Số thực nộp, bù trừ trong kỳ		01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu										
Thuế xuất, nhập khẩu	12.171.739	-	-	-	-	-	12.171.739	-	-	-
Cộng	12.171.739	-	-	-	-	-	12.171.739	-	-	-
b. Các khoản thuế phải trả, phải nộp										
Thuế giá trị gia tăng	-	71.784.504.196	-	71.784.504.196	-	-	71.784.504.196	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	429.404.198	-	429.404.198	-	-	429.404.198	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.104.311.467	3.174.597.244	693.380.754	693.380.754	12.324.896.648	11.561.230.117	313.756.955	313.620.872	11.561.230.117	11.561.230.117
Thuế thu nhập cá nhân	-	136.083	-	136.083	-	-	432.240	-	-	72.360
Thuế tài nguyên	72.480	432.360	-	432.360	-	-	-	-	-	-
Thuế đất, tiền thuế đất	1.037.672.160	1.037.672.160	-	1.037.672.160	-	-	-	-	-	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	-	3.000.000	-	-	3.000.000	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí, các loại thuế khác	-	614.771.686	-	614.771.686	-	-	2.317.199.739	-	-	1.702.428.053
Cộng	4.142.056.107	77.044.517.927	693.380.754	693.380.754	87.173.193.976	13.577.351.402	87.173.193.976	13.577.351.402	13.577.351.402	13.577.351.402

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN
Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ,
thành phố Hà Nội.

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	256.386.794.727	256.386.794.727	117.986.779.979	102.377.141.536
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây (a)	197.891.637.054	197.891.637.054	51.466.530.306	53.469.075.806
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long (b)	58.485.757.673	58.485.757.673	66.520.249.673	48.908.065.730
- Vay ngắn hạn cá nhân	9.400.000	9.400.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (chi tiết tại thuyết minh V.17)	107.520.608.678	107.520.608.678	-	26.911.786.000
Cộng	363.907.403.405	363.907.403.405	184.507.029.652	267.688.942.284

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/2745062/HĐTD ngày 26/03/2020. Hạn mức tín dụng thường xuyên là 200.000.000.000 đồng. Mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 15/03/2021. Thời hạn cho vay, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng cầm có được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký kết hợp đồng hạn mức.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cho vay hạn mức số 10.08.2020/VPB-SAIKON ngày 19/08/2020. Hạn mức cho vay là 75.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất clinker các loại. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 06 tháng. Lãi suất cho vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các thẻ tiết kiệm, chứng nhận tiền gửi của ông Nguyễn Sỹ Tiếp mở tại VPBank.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Nhận sáp nhập	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ dài hạn	1.124.927.432.617	1.124.927.432.617	53.769.957.200	452.398.381.261	31.996.261.965	650.755.356.121
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây (a)	641.507.748.805	641.507.748.805	30.405.953.200	258.690.884.782	22.400.000.000	374.810.910.823
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đức (b)	14.912.514.000	14.912.514.000	-	-	1.015.243.000	15.927.757.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội- Chi nhánh Hà Nam (c)	176.456.832.236	176.456.832.236	-	50.124.000.000	1.200.000.000	127.532.832.236
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (d)	4.869.389.275	4.869.389.275	-	2.069.389.275	-	2.800.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thanh phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội - PGD Kinh Đô (e)	7.460.100.000	7.460.100.000	-	-	828.900.000	8.289.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiên Sơn (f)	13.000.000.000	13.000.000.000	-	-	4.000.000.000	17.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội (g)	1.217.562.509	1.217.562.509	-	-	211.749.996	1.429.312.505
- Ông Nguyễn Sỹ Tiếp (h)	265.503.285.792	265.503.285.792	23.364.004.000	141.514.107.204	2.340.368.969	102.965.543.557
Nợ dài hạn đến hạn trả	(107.520.608.678)	(107.520.608.678)				(26.911.786.000)
Cộng	1.017.406.823.939	1.017.406.823.939			623.843.570.121	623.843.570.121

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả:

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
Nợ dài hạn đến hạn trả				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây	(88.122.122.678)	(88.122.122.678)		(14.800.000.000)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đức	(2.030.486.000)	(2.030.486.000)		(2.030.486.000)
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Phòng giao dịch Kinh Đô	(4.144.500.000)	(4.144.500.000)		(1.657.800.000)
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Sơn Tây	(423.500.000)	(423.500.000)		(423.500.000)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nam	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)		-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiên Sơn	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)		(8.000.000.000)
Cộng	(107.520.608.678)	(107.520.608.678)		(26.911.786.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(a) Các khoản vay tại Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn:

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay để phục vụ dự án cải tạo thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả kinh tế Nhà máy xi măng Nam Sơn và Dự án Nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải 5MW. Thời hạn vay là 60 tháng, trả gốc vào cuối kỳ. Lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp mở tại ngân hàng BIDV.

Ngoài ra, tháng 09 năm 2020, Công ty phát sinh thêm gói vay 100 tỷ theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/2745062/HĐTD ngày 28/09/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây. Mục đích vay để đầu tư hệ thống máy móc thiết bị tận dụng nhiệt khí thải để phát điện 5MW. Thời hạn vay là 84 tháng. Lãi suất trong hạn đến hết ngày 31/12/2020 là 10%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng đảm bảo được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của hợp đồng này mà điều khoản về phạm vi bảo đảm bao gồm hợp đồng này.

Các khoản vay kế thừa từ Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cho vay số 01/2018/2897896/HĐTD ngày 13/12/2018 với tổng số tiền vay là 300.000.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư dự án cải tạo dây truyền nghiền và đóng bao xi măng - Nhà máy Xi măng Nam Sơn. Thời hạn cho vay 60 tháng từ ngày 14/12/2018 đến ngày 14/12/2023. Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên đến ngày 31/03/2019 là 10,5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp mở tại ngân hàng BIDV.

Các khoản vay dài hạn còn lại tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay để phục vụ dự án cải tạo trạm nghiền và đóng bao xi măng tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Thời hạn vay là 60 tháng, trả gốc vào cuối kỳ, lãi được trả vào ngày 20 - 25 hàng tháng. Lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp mở tại ngân hàng BIDV.

(b) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đức theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số LD1721600218 ngày 04/08/2017. Số tiền cho vay là 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền cho các nhà thầu xây dựng cải tạo và nâng cấp nhà máy xi măng Nam Sơn. Lãi suất vay năm đầu tiên là 9,4%/năm và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo. Thời hạn vay là 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng thẻ tiền gửi của ông Nguyễn Sỹ Tiệp gửi tại Ngân hàng với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 3.040.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số LD1722200107 ngày 11/08/2017. Số tiền cho vay là 6.643.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền cho các nhà thầu xây dựng cải tạo và nâng cấp nhà máy xi măng Nam Sơn. Lãi suất vay năm đầu tiên là 9,4%/năm và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo. Thời hạn vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng thẻ tiền gửi của ông Nguyễn Sỹ Tiệp gửi tại Ngân hàng với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 6.800.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LD1722900020 ngày 17/08/2017. Số tiền cho vay là 3.800.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền cho các nhà thầu xây dựng cải tạo và nâng cấp nhà máy xi măng Nam Sơn. Lãi suất vay năm đầu tiên là 9,8%/năm và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo. Thời hạn vay là 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng 02 chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn của ông Nguyễn Sỹ Tiệp do Sacombank phát hành với tổng giá trị 3.880.000.000 đồng và phong tỏa tài khoản thanh toán số 020046958811 của Công ty trị giá 11.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LD1723500041 ngày 23/08/2017. Số tiền cho vay là 3.500.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền cho các nhà thầu xây dựng cải tạo và nâng cấp nhà máy xi măng Nam Sơn. Lãi suất vay năm đầu tiên là 9,8%/năm và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo. Thời hạn vay là 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng 02 chứng chỉ tiền gửi của ông Nguyễn Sỹ Tiệp gửi tại Ngân hàng với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 3.615.000.000 đồng.

(c) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nam theo các hợp đồng tín dụng trung hạn cụ thể. Mục đích để phục vụ cho dự án cải tạo thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà máy xi măng Nam Sơn và Dự án nhà máy điện tận dụng khí thải 5MW. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất áp dụng cho kỳ đầu tiên là 9,8%/năm và sẽ được điều chỉnh cho các kỳ tiếp theo. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp gửi tại SHB theo các hợp đồng thế chấp cụ thể.

(c) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng số 148/2017/HĐTD/HGM/01 tháng 07 năm 2017. Khoản vay được giải ngân theo đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 148/2017/GNN/HGM/01 ngày 13/07/2017. Số tiền vay là 2.800.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền mua vật liệu và thi công xây dựng phục vụ dự án cải tạo thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả kinh tế Nhà máy xi măng Nam Sơn. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 14/7/2017 đến ngày 13/07/2022. Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 13/10/2017 là 7,6%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng /lần.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm, kế thừa từ Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II theo hợp đồng cho vay số 149/2017/HĐTC-HGM/01 ngày 13/07/2017. Số tiền vay là 200.000.000 đồng và 71,825 EUR (tương đương 1.869.389.275 VNĐ tại ngày giải ngân). Mục đích vay để thanh toán cho đối tác đầu tư nâng cấp tài sản cố định. Thời hạn cho vay 60 tháng từ ngày 14/07/2017 đến ngày 13/07/2022. Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên đến ngày 13/07/2017 là 7,6%/năm. Lãi suất áp dụng cho giai đoạn sau được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng chứng chỉ tiền gửi của ông Nguyễn Sỹ Tiệp với mệnh giá 2.330.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(e) Vay ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Kinh Đô theo hợp đồng tín dụng số 001/17KD/HĐTD ngày 26/12/2017. Số tiền cho vay là 1.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để tài trợ trung hạn dự án "Cải tạo thiết bị công nghệ, tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế dây chuyền sản xuất Clinker - nhà máy xi măng Nam Sơn". Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Thời gian ân hạn gốc là 36 tháng. Lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo là thẻ tiết kiệm trị giá 1.000.000.000 đồng của ông Nguyễn Sỹ Tiệp tại HDBank Kinh Đô. Theo phụ lục hợp đồng tín dụng số 001/17KD/HĐTD/PL ngày 29/12/2017, số tiền vay được thay đổi bằng 50.000.000.000 đồng.

(f) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiên Sơn theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2020-HĐCVDADT/NHCT284-SAISON ngày 21/07/2020. Số tiền cho vay không vượt quá 17.758.340.720 đồng. Mục đích sử dụng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án cải tạo thiết bị công nghệ, tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả kinh tế dây chuyền sản xuất clinker Nhà máy xi măng Nam Sơn. Thời hạn cho vay kể từ ngày giải ngân đến ngày 26/07/2022. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm và được điều chỉnh 01 tháng 01 lần. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng cầm cố tiền chuyển về tài khoản số 02/2020/HĐBĐ/NHCT284-NGUYEN SY TIEP ngày 27/07/2020.

(g) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cho vay số 53/2020/HĐTD/STY/01 ngày 26/03/2020. Số tiền vay là 847.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán xe tải ben CNHTC 4 chân mới. Thời hạn cho vay 48 tháng từ ngày 27/03/2020 đến ngày 26/03/2024. Lãi suất áp dụng kể từ ngày 26/03/2020 đến ngày 26/03/2021 là 8,9%/năm. Lãi suất áp dụng cho giai đoạn sau được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng xe CNHTC ZZ3317N3267E11-V (tài sản hình thành từ vốn vay). Giá trị tài sản đảm bảo 02 bên thống nhất là 1.412.000.000 đồng.

Hợp đồng cho vay số 166/2020/HĐTD/STY/02 ngày 06/07/2020. Số tiền cho vay là 847.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền mua 01 xe tải Ben CNHTC 4 chân mới. Thời hạn cho vay là 48 tháng từ ngày 07/07/2020 đến ngày 06/07/2024. Lãi suất vay áp dụng từ ngày 06/07/2020 đến ngày 06/07/2021 là 8,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng xe Ben CNHTC ZZ3317N326E1-V. Giá trị tài sản đảm bảo 02 bên thống nhất là 1.412.000.000 đồng.

(h) Khoản vay ông Nguyễn Sỹ Tiệp:

Các khoản vay tại Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn:

- Khế ước vay tiền số 01/KUVT/SS-NST ngày 05/09/2016 với số tiền cho vay tối đa là 100 tỷ đồng. Mục đích để đầu tư cải tạo thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế dây chuyền sản xuất Clinker nhà máy xi măng Nam Sơn của Công ty CP xi măng Sài Sơn. Thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày chuyển tiền từng món vay. Lãi suất vay áp dụng tính từ thời điểm nhận tiền là 13%/năm và được thay đổi khi có biên bản thỏa thuận giữa 02 bên. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Phụ lục số 01 PLKUVT/SS-NST ngày 01/01/2018 về việc vay bổ sung thêm 100 tỷ đồng. Phụ lục ngày 01/03/2018 về việc áp dụng lãi suất 0% tính từ thời điểm 01/03/2018 cho tới khi có văn bản khác thay thế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- Khế ước vay tiền số 02/KUVT/SS-NST ngày 01/07/2018 với số tiền cho vay tối đa là 150 tỷ đồng. Mục đích để phục vụ hoạt động dự án nhà máy nhiệt điện tận dụng nhiệt khí thải công suất 5MW của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn. Thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày chuyển tiền từng món vay. Lãi suất được thỏa thuận bằng biên bản thỏa thuận lãi suất ký kết giữa 02 bên theo từng thời điểm cụ thể. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Phụ lục khế ước vay tiền ngày 01/07/2018 liên quan đến việc áp dụng lãi suất 0% tính từ ngày 01/07/2018.

Các khoản vay kế thừa từ Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II:

- Khế ước vay tiền số 01/KUVT/SSII/NST ngày 20/10/2016 với số tiền vay 100.000.000.000 đồng. Mục đích vay để cải tạo nhà máy Xi măng Sài Sơn II. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất áp dụng là 13%/năm. Phụ lục số 01/PL/KUVT/SSII/NST ngày 01/01/2018 điều chỉnh lãi suất cho vay 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

- Khế ước vay tiền số 02/KUVT/SSII/NST ngày 01/07/2018 với số tiền vay 100.000.000.000 đồng. Lãi suất hiện tại áp dụng theo phụ lục điều chỉnh lãi suất là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/06/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
Trong vòng một năm	107.520.608.678	26.911.786.000
Trong năm thứ hai đến năm thứ năm	1.017.406.823.939	623.843.570.121
Cộng	<u>1.124.927.432.617</u>	<u>650.755.356.121</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	107.520.608.678	26.911.786.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.017.406.823.939</u>	<u>623.843.570.121</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác của chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2020	378.390.000.000	7.650.713.000	59.383.458.551	1.811.263	13.643.343.917	459.069.326.731						
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	4.617.538.363	4.617.538.363						
Số dư tại 01/01/2021	378.390.000.000	7.650.713.000	59.383.458.551	1.811.263	18.260.882.280	463.686.865.094						
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	11.907.158.997	11.907.158.997						
Số dư tại 30/06/2021	378.390.000.000	7.650.713.000	59.383.458.551	1.811.263	30.168.041.277	475.594.024.091						

b. Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Cổ phiếu phổ thông	37.839.000	37.839.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.839.000	37.839.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.839.000	37.839.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

c. Chi tiết đầu tư vốn chủ sở hữu

	30/06/2021	01/01/2021
Ông Nguyễn Sỹ Tiếp	VND	VND
Công ty CP Xi Măng Hoàng Long	241.809.510.000	241.809.510.000
Cổ đông khác	48.066.470.000	48.066.470.000
Cộng	88.514.020.000	88.514.020.000
	378.390.000.000	378.390.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	717.941.405.587	356.513.851.389
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	377.107.200.723	74.206.746.879
Doanh thu bán thành phẩm	340.834.204.864	282.307.104.510
Cộng	717.941.405.587	356.513.851.389
Các khoản giảm trừ doanh thu	96.363.635	-
- Chiết khấu thương mại	96.363.635	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	717.845.041.952	356.513.851.389

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Giá vốn bán hàng hóa	372.214.770.589	72.207.455.298
Giá vốn bán thành phẩm	279.541.127.676	241.198.189.056
Cộng	651.755.898.265	313.405.644.354

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.480.076	3.479.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	365.930.022	12.054.877
Cộng	368.410.098	15.534.277

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền vay	41.637.375.037	36.584.030.912
Lỗ chênh lệch tỷ giá	137.607.154	503.824.874
Cộng	41.774.982.191	37.087.855.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	186.041.231	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.487.474.750	-
Chi phí khác bằng tiền	32.719.274	-
Cộng	4.706.235.255	-

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	303.506.776	402.958.543
Chi phí nhân công	1.802.253.721	1.890.423.383
Chi phí khấu hao TSCĐ	786.958.906	763.795.073
Thuế, phí và lệ phí	4.930.320	3.432.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.089.560.450	437.879.849
Chi phí khác bằng tiền	182.260.390	165.648.698
Cộng	4.169.470.563	3.664.137.906

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	615.535.535	-
Chi phí ủng hộ dịch Covid - 19	100.000.000	-
Chi phí khác	9.574.000	2.323.275
Cộng	725.109.535	2.323.275

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.081.756.241	2.369.424.345
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	791.229.979	156.277.638
Các khoản chi phí không được trừ	791.229.979	156.277.638
- Chi phí khấu hao xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi tương ứng với nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	175.694.444	154.763.638
- Các khoản tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	615.535.535	1.514.000
Thu nhập chịu thuế	15.872.986.220	2.525.701.983
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.174.597.244	505.140.397
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.174.597.244	505.140.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.907.158.997	1.864.283.948
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.907.158.997	1.864.283.948
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.839.000	37.839.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	315	49

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	197.598.886.449	180.116.208.524
Chi phí nhân công	12.142.390.259	10.101.566.255
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.753.917.619	1.421.737.185
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.886.594.432	29.687.930.081
Thuế phí và lệ phí	1.042.602.480	1.114.867.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.853.987.785	23.279.180.980
Chi phí khác bằng tiền	263.859.773	194.377.569
Cộng	305.542.238.797	245.915.867.942

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Tiền thu đi vay theo kế ước thông thường: 171.756.737.179 đồng.

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

- Tiền trả nợ gốc theo kế ước thông thường: 134.373.403.501 đồng.

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất xi măng và clinker, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Ông Nguyễn Sỹ Tiệp
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II
(đã sáp nhập vào Công ty tại ngày 30/04/2021)
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Công ty có liên quan

Cổ đông lớn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Bán hàng	510.051.329.604	35.353.919.717
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	218.547.258.059	35.165.631.032
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	291.504.071.545	188.288.685
Mua hàng	290.622.910.711	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	7.145.360.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	283.477.550.711	-
Đi vay	23.364.004.000	40.388.774.923
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	23.364.004.000	40.388.774.923
Trả gốc vay	2.340.368.969	2.800.000.000
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	2.340.368.969	2.800.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	43.109.480.651	9.719.471.308
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	43.109.480.651	480.147.153
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	-	9.239.324.155
Vay và nợ thuê tài chính	265.503.285.792	102.965.543.557
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	265.503.285.792	102.965.543.557

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	30.000.000
Ông Vương Đức Nhật	6.000.000
Ông Nguyễn Trí Chung	30.000.000
Các thành viên khác	30.000.000
Cộng	96.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN
Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2021 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.


4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 đã được soát xét.




Phạm Tiến Hiếu
Người lập

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2021



Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Vương Đức Nhật
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG SÀI SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 00 /CV-CT

Hà nội, ngày 14 tháng 08 năm 2021

V/v: Giải trình CL LNST giữa BCTC kiểm toán
soát xét 6 tháng đầu năm 2021 và báo cáo tự lập

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

5. Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn
6. Mã chứng khoán: SCJ
7. Địa chỉ trụ sở chính: Thông Nam Sơn, Xã Nam Phương Tiến, Huyện Chương Mỹ, TP Hà nội.
- 4.Điện thoại: 02433132183

5. Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn xin giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 giữa báo cáo tài chính kiểm toán soát xét và báo cáo tài chính do công ty tự lập cụ thể theo bảng chi tiết sau:

STT	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Ghi chú
1	Giảm chi phí lãi vay trong kỳ	177.320.000	Giảm chi phí trong kỳ
2	Giảm chi phí khác trong kỳ	64.350.666	Giảm chi phí trong kỳ
3	Tổng giá trị thay đổi lợi nhuận trước thuế	241.670.666	Tăng LN trước thuế
4	Thay đổi thuế TNDN	206.580.129	
5	Thay đổi lợi nhuận sau thuế	35.090.537	Tăng LN sau thuế

Trên đây là toàn bộ giải trình của Công ty chúng tôi về chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 giữa báo cáo tài chính kiểm toán soát xét và báo cáo tài chính công ty tự lập kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CP XI MĂNG SÀI SƠN



GIÁM ĐỐC
Vương Đức Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG SÀI SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81 /CV-CT

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2021

V/v: Giải trình nguyên nhân LNST BCTC soát
xét 6 tháng đầu năm 2021 lãi và chênh lệch trên
10% so với cùng kỳ năm ngoái

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn
2. Mã chứng khoán: SCJ
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nam Sơn, Xã Nam Phương Tiến, Huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.
4. Điện thoại: 024.33132183

Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn xin giải trình nguyên nhân LNST giữa BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2021 lãi và chênh lệch trên 10% so với LNST trong BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

+) Tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của chúng tôi đã khởi sắc, sản lượng sản xuất ổn định, tiết kiệm được tiêu hao nguyên vật liệu, giá bán ổn định, đồng thời chúng tôi đã sáp nhập thành công Công ty TNHH xi măng và Xây dựng Sài Sơn II vào Công ty CP xi măng Sài Sơn kể từ thời điểm 30/04/2021. Có thêm doanh thu và lợi nhuận thu được từ sản phẩm xi măng. Do đó lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2021 lãi và chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ năm ngoái.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CP XI MĂNG SÀI SƠN



GIÁM ĐỐC
Vương Đức Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
SÀI SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72/ CV-CT

V/v: Giải trình điểm nhấn mạnh của kiểm toán tại báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2021

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn
2. Mã chứng khoán: SCJ
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nam Sơn, xã Nam Phương Tiên, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.
4. Điện thoại: 02433.132.183

Công ty Cổ phần xi măng Sài Sơn giải trình điểm nhấn mạnh của kiểm toán tại báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 như sau:

*** Các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn.**

Thời điểm 30/06/2021 các khoản nợ ngắn hạn của công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là do một phần vốn vay trung hạn đầu tư cho dự án đã tới thời hạn thanh toán trong 12 tháng kế tiếp. Tuy nhiên HĐQT và ban giám đốc công ty tin tưởng và có các giải pháp để công ty duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục và hiệu quả. Cụ thể:

- Tại ngày 30/04/2021, sát nhập Công ty TNHH xi măng và xây dựng Sài Sơn II (tiền thân là công ty cổ phần xi măng và xây dựng Sài Sơn II) vào Công ty CP xi măng Sài Sơn. Sau khi sát nhập công ty ổn định bộ máy tổ chức, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát huy tối đa những lợi thế của công ty như vị trí địa lý nhà máy, thương hiệu các sản phẩm, tiết giảm chi phí quản lý, chi phí tài chính, nhân công sản xuất... làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh

- Ban giám đốc đang làm việc với các tổ chức tín dụng để giảm lãi suất vay vốn trung hạn và dài hạn, cơ cấu các khoản nợ trung hạn đến hạn phải trả. Đồng thời đề nghị các tổ chức tín dụng cho vay bù đắp tài chính trung dài hạn cho các khoản đầu tư cải tạo dây chuyền thiết bị nhà máy mà công ty đã đầu tư nhưng trước đây chưa vay được vốn trung dài hạn.



- Thêm vào đó, kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây đều có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn cũng như các khoản hỗ trợ đầu tư các dự án đang triển khai của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng rằng với những giải pháp như trên công ty sẽ đảm bảo được dòng tiền duy trì hoạt động ổn định và sản xuất kinh doanh hiệu quả.

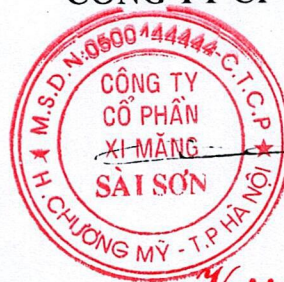
Trên đây là giải trình của công ty chúng tôi về điểm nhấn mạnh của kiểm toán trên báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CP XI MĂNG SÀI SƠN



GIÁM ĐỐC

Wang Duc Nhat

